

TINH THẦN TAM GIÁO TRONG TRÚC LÂM TÔNG CHỈ NGUYÊN THANH

TRẦN THỊ THÚY NGỌC*

Thế kỷ XVIII ở Việt Nam xuất hiện một tác phẩm triết học gây nhiều sự chú ý *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*. Tác phẩm đề cập lý luận triết học của Thiền phái Trúc Lâm, nhưng lại cho thấy một ý thức tư tưởng Tam giáo đồng quy. Tác giả cũng chính là nhân vật trung tâm trong *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* – Hải Lượng thiền sư Ngô Thì Nhậm – là một người ngoài văn nghiệp rạn vỡ ra, còn là nhân vật giữ vai trò quan trọng trong những biến cố chính trị, lịch sử then chốt của triều đình phong kiến Việt Nam thế kỷ XVIII, Ngô Thì Nhậm.

Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh lấy cảm hứng từ hình tượng Quan thế âm Bồ tát tâm thanh cứu khổ. Tác phẩm được chia làm 24 chương, tương ứng với 24 thanh, cũng là 24 đề tài Thiền quán: Không thanh, Ẩn thanh, Phát tướng thanh, Kiến thanh, Hoán thanh, Thoát thanh, Mục thanh, Định thanh, Tịch nhiên vô thanh, Đoán thanh, Nhất thanh, Xu thanh, Biểu lý thanh, Hành thanh, Đồng thanh, Minh thanh, Phán thanh, Xá thanh, Bất quả thanh, Tàng thanh, Hưởng thanh, Tàng tu thanh, Lưu động thanh, Dư thanh. Kết cấu mỗi chương đều mô phỏng các hình thức niệm, tụng, kệ trong kinh điển Thiền tông. Nguồn gốc tư tưởng Phật học của tác phẩm xuất phát từ *Kinh Lăng nghiêm*, còn tư tưởng Nho học của nó bắt nguồn từ Dịch học và Lý học. Âm thanh được Mật tông của Phật giáo Đại thừa đặc biệt chú trọng, biểu hiện trong các hoạt động trì tụng chân ngôn, thần chú. Âm thanh là đặc trưng của Quan thế âm Bồ tát, do vậy tại đây có thể hiểu rằng Ngô Thì Nhậm dùng “thanh” để biểu đạt cho âm thanh giác ngộ, âm thanh giải thoát¹, cũng là kế thừa tinh thần của Thiền phái Trúc Lâm riêng có của Việt Nam. Ngô Thì Nhậm từng nói về tác phẩm của mình: “Đặt tên cho ngôi đình của ta là đình Hoa sen, lấy 24 thanh² để “ích phát” (phát huy) cái tông chỉ Trúc Lâm”³.

* NCS. Viện Triết học

¹ *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* còn có tên *Đại chân viên giác thanh*.

² Một tên gọi khác nữa của *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*.

³ *Ngô Thì Nhậm tác phẩm* (2002), tập 2, Nxb. Văn học, “Phú Thưởng Liên đình”, tr.89.

1. Một tác phẩm triết học về Tam giáo hợp nhất

Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh là một tác phẩm về đề tài Phật giáo hiếm hoi, nhưng quan trọng của Việt Nam, phản ánh tập trung toàn bộ trào lưu tư tưởng của thời đại – tinh thần Tam giáo hợp nhất.

1.1. Bản thể luận

Đề tài Thiên quán đầu tiên là “Không thanh”, âm thanh của Không. Không (Sunyata) là khái niệm cơ bản của Phật giáo Đại thừa, cũng là tư tưởng trọng yếu của Lão Trang. Không tương đương với Vô cực của Chu Liêm Khê, Hư của Trương Hoàn Cừ, Lý của Nhị Trình. Không là khởi nguồn của âm thanh, và bản thân nó cũng chính là một thứ thanh không có thanh âm:

“Thanh phát ra ở việc gõ, gõ lớn thì kêu lớn, gõ nhỏ thì kêu nhỏ, đều phát ra do nguyên nhân này. Phát ra có nguyên nhân, (vì thế) cũng có khi ngừng bật lại. Trong Không có thanh, thì cái thanh đó không từ đâu đến cũng không đi về đâu; đón nó thì không biết nơi nó bắt đầu, theo nó thì không biết nơi nó kết thúc...”

Khi Tý chưa mở, Sửu chưa tới, thanh ở trong hỗn độn; khi Dương đã xuống, Âm đã lên, thanh trong khoảng ấy. Tất cả hành động ý thức xưa nay đều ở trong thanh Không. Có thể nghe thấy được nhưng không thể tìm nó được, vì thế mới gọi là Không. Cái Không, ... là cái thanh không có âm thanh vậy”⁴.

Từ góc nhìn Phật giáo, Không là thể tính của vạn hữu, mặt thời gian là không sinh không diệt “không từ đâu đến mà cũng không đi về đâu”, mặt không gian là “đón nó thì không biết chỗ bắt đầu, theo nó thì không biết chỗ kết thúc”. Từ góc nhìn Nho giáo Không là Thái cực, một thứ Khí hỗn độn. Đây chính là âm thanh đầu tiên mà nhóm Hải Lượng muốn gõ lên, thuộc về phần Thanh dẫn (tức là “Niệm” trong kinh điển Thiên tông). Tiếp theo là phần chính văn (tương đương với “Tụng” trong Tụng cổ văn của Thiên).

“Hải Lượng đại Thiên sư đánh lễ Trúc Lâm tam tổ tại quán Huyền Thiên, tặng bên trái Hải Hoà, tặng bên phải Hải Tĩnh cùng hai mươi tư đồ đệ đều đầy đủ.

Đồ đệ bạch sư rằng: Nhà Nho nói Lý, thế nào gọi là Lý? Sư trả lời: Lý như cái lý của đốt cây. Lại hỏi: Nói Dục, thế nào là Dục? Sư đáp: Dục như cái dục của nước chảy xuống, lửa bốc lên. Nói: Vâng, khi theo Lý

⁴ Ngô Thị Nhậm toàn tập (2006), tập 5, Nxb.Khoa học xã hội, “Thanh Không”, tr.111.

phải như thế nào? Trả lời: Lý không thể theo hết được. Thế là tăng chung quay lưng lại với án sư ngồi. Sư thở dài co một chân lại. Tăng bên trái hỏi sư: Vì sao sư lại co một chân? Sư đáp:

Vạn thủy đều đông Nhược thủy tây
 Cúc hoa không ngang cùng trăm hoa
 Tăng bên trái tiến lên hỏi:
 Nước chảy đông tây chuyển trục
 Hoa nở sớm tối con kiến bò quanh
 Sư bỗng hét:
 Dậy dậy dậy đánh chằng dậy
 Ngủ ngủ ngủ chửi cũng ngủ
 Tăng bên phải rời chiếu tiến lên nói:
 Thuận nước đi thuyền
 Đường hiểm dừng cương
 Một dừng một đi
 Điều không là ý ta

Lúc ấy Điều Ngự Giác Hoàng ngồi dưới cây Cù đàm, hoá thành vô số hoa Cù đàm. [Lúc đang] nở chằng nở, có gió mới nở, [lúc phải] rơi chằng rơi, có mưa mới rơi. Có con chim xanh ngậm hoa bay đi, hoa nhập vào chim, lông chim đều sinh hoa. Sư nhìn chim mà lại nhận thấy hoa lông. Nói kệ rằng:

Thân chim chằng phải chim
 Hồn hoa không phải hoa
 Đi dừng vòng vo
 Ta thì sao tôi thì thế nào?
 Tăng bên phải chấp tay niệm:
 Sắc chằng phải sắc
 Không chằng phải không
 Tăng bên trái tiến lên nói:
 Ngựa gặp đường bằng đi chằng vấp
 Gõ phải góc già bỏ chằng ra

Tăng bên phải trật vai phải và đáp rằng: Đường bằng là thuận lý cho ngựa, gốc già là nghịch lý cho cây, Lý có thuận nghịch, không thể dựa vào (chấp trước), nên không thể theo hết được vậy.

Sư bèn đảo ngược gậy tre, tiến vào am để lễ Thế tôn”⁵.

Hải Lượng là Thiền sư, còn lại là các Thiền sinh; những câu trả lời ngắn, đầy ẩn ý, dùng hình thức kệ để biểu đạt, nhưng thực chất nội dung của nó chứa đựng triết lý, chứ không phải Thiền học. “Đốt cây” không phải là thứ “chỉ vật truyền tâm” mà là một ví dụ, cũng giống với “Nhược thủy” (nước sông Nhược) và “hoa cúc” vậy. Sự khác biệt giữa một ví dụ và một công án (chỉ vật truyền tâm) là ở chỗ ví dụ để truyền đạt ý niệm, nhưng công án thì không chứa đựng gì cả ngoài công dụng đập tan vô minh, đưa Thiền sinh đến thẳng thực tại không cần thông qua bất cứ suy lý nào. “Đốt cây” và những vật tượng trưng khác vẫn còn có thể dùng ngôn ngữ và khái niệm để lý giải, rõ ràng không phải là Thiền.

Lý ở đây, nhóm Hải Lượng đã thống nhất nó với Vô cực, Đạo của cái Khí hình nhi thượng: “Rời xa âm dương thì không có Đạo, cho nên âm dương là Đạo vậy, Âm dương là Khí; Đạo là hình nhi thượng, Khí là hình nhi hạ” (Di thư Y Xuyên ngữ nhất), “Nguyên lai vốn chỉ có cái Đạo này, Âm dương là hình nhi hạ vậy” (Minh Đạo ngữ nhất). Lý là Không, Vô cực, là thứ mà khi “Tý chưa mở, Sửu chưa tới, thanh còn ở trong hôn độn”; Lý là Đạo, là con đường để vạn vật vận hành. Con người cần phải tuân theo con đường ấy mới sinh tồn được, bởi vì Đạo bao gồm quy luật tự nhiên (thuận thiên giả tồn – thuận theo trời thì được sống). Nhưng Hải Lượng đột nhiên nói “Lý không thể theo hết được” khiến đại chúng không thể chấp nhận, nên “tăng chúng ngồi quay lưng lại với án của sư”. Một tuyên bố như vậy khiến mọi người xúc động, nên về hiệu quả tâm lý nó đã gần giống với Thiền.

Hải Lượng tiếp tục lý giải nghi vấn này thông qua Dục. Dục là “Nước chảy xuống, lửa bốc lên”. Nếu như phục tùng cái Lý thông thường, thì đó là Dục rồi: “Nước xuôi thả thuyền, đường hiểm dừng ngựa”. Tại đây Ngô Thì Nhậm muốn phân định rõ sự khác biệt giữa Lý với Dục. Dục chỉ biểu hiện những thuộc tính bình thường của Lý, nhưng ngoài những quy luật thông thường ra, Lý còn vượt qua Dục và cao hơn Dục nhiều lần: “Muôn nước chảy đông, sông Nhược chảy về tây, hoa cúc không ngang bằng với trăm hoa”. Đây mới chính là giá trị chân thực của Lý. Các loài hoa

⁵ Sđd, tr.112-114.

thường thì đều nở vào xuân vào hạ, riêng hoa cúc không phục tùng cái quy luật chung đó, chỉ mùa thu mới nở, bởi vì nó là loài hoa đặc biệt. Nếu như hoa cúc nở vào mùa xuân, thì nó biến thành thứ hoa không phải là hoa cúc nữa. Như vậy cái Lý của hoa cúc thì không phải là cái Lý của các loài hoa khác. Nếu từ góc độ của hoa cúc và nước sông Nhược để xem xét, thì nở hoa vào mùa xuân hay chảy về hướng đông không còn là Lý nữa. Thông qua những nghịch đề này chúng ta phát hiện ra rằng, những thứ Lý mà chúng ta cho rằng tuyệt đối hoá ra chỉ là cái Lý tương đối. Cái Lý tuyệt đối có thuận có nghịch, những hành động như thả thuyền và dừng cương, co duỗi, ngủ thức v.v... hoàn toàn không mâu thuẫn. Vì vậy “*hoa nhập vào chim, lông chim đều sinh thành hoa*”, cái hình ảnh lãng mạn đó khiến chúng ta cảm thấy tinh thần của Trang Tử và “*sắc tức thị không, không tức thị sắc*” của Đại thừa Bát nhã ba la mật đa tâm kinh. Cái Lý tuyệt đối chỉ có thể được nhận thức ra khi con người có thái độ phá chấp: “*Lý có thuận nghịch, nên không chấp trước vào nó, và cũng không chạy theo nó hết được*”.

Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh là một tác phẩm triết học cuối cùng của Ngô Thì Nhậm, đã tổng kết toàn bộ đời sống của ông và sử dụng siêu hình học của Thiên tông và Lý học để lý giải cho lựa chọn chính trị của mình, đồng thời cũng như một sự thanh minh ở góc độ triết học cho việc xử thế của bản thân.

Âm thanh đầu tiên vừa là cái Không bản thể luận, là quy luật của vũ trụ vạn vật (Lý), vừa là “*xử thế bằng Nho, xuất thế bằng Thiên*” của nhân sinh quan, đập tan vô minh, thái độ cố chấp của nhận thức luận, có thể coi như một âm thanh mở đầu của sự tổng hợp triết học Nho Phật Đạo.

1.2. Nhân sinh quan và chính trị quan

Đối với vấn đề giải thoát – cái mục đích cứu cánh của Phật học, Thiên sư Hải Lượng đều dùng lý luận Nho học để lý giải. Niết bàn là tịch diệt, là mục đích giải thoát. Tịch là trạng thái tâm bất động, là con người đã hoàn toàn làm chủ đối với Tâm. “*Phật nói tịch diệt, không phải có ý tịch diệt thật. Tịch là đối lập với huyền não, diệt là đối với khởi dậy, có thể diệt được tính người, thì tính trời sẽ khởi. Nhưng đa phần tính trời thì khó khởi, còn tính người thì khó diệt. Diệt được tính người, thì muôn cảm đều tịch, chỉ còn trạng thái chân thực như nhất. Chuông trống ở phía trước mà tai không loạn, gắm vóc trước mặt mà mắt không hoa quáng. Thiên binh vạn mã trước mặt mà Tâm không lay động. Đó chính là*

*Tịch*⁶. Toàn bộ thực tại luận và nhân sinh luận do thực tại luận dẫn khởi đều xoay quanh “Tâm”. Tâm là chỗ quy tụ của toàn bộ vũ trụ vạn vật. Nho gia mượn khái niệm “Tâm” để biểu đạt cảnh giới tu dưỡng nội tại, nhưng cũng khiến cho cái diện mạo chân thực của Phật giáo bị bóp méo đi. Hoà thượng Hải Âu nói: “*Không huyền nào thì làm gì có tịch, không khởi dậy thì làm gì có diệt. Huyền khởi là nhân tính, tịch diệt là thiên tính, cũng giống với nhân tâm đạo tâm... Có thể diệt tính người, thì tính trời bảo toàn. Tính được bảo toàn thì định, định được thì là tịch diệt. Sách nhà Nho nói vô ngã, sách Đạo gia nói táng ngã, đều là nghĩa ấy*”⁷. Tại đây 16 chữ tâm truyền đã được đề cập tới: “*Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung*”. 16 chữ này là tinh túy của Nho gia, là hạt nhân và cương lĩnh của *Trung dung*. Trình Tử đã có chú giải chân xác về 16 chữ này: “*Không thiên lệch gọi là trung, không thay đổi gọi là dung. Trung là đạo chân chính của trời. Dung là Lý cố định của những thứ dưới trời*” (Chu Hi, *Tứ thư chương cú tập chú*). Từ 16 chữ này đã sinh ra phương pháp truyền thụ Tâm của thầy trò cửa Khổng. Dùng Thiên tính, Đạo tính để giải thích Tịch diệt của nhà Phật, vì vậy con đường giải thoát càng là công phu tu dưỡng của nhà Nho. Trong thanh thứ 6 “Thuyết thanh”, Hải Lượng cho rằng phương pháp của nhà Nho là “tinh nhất”, phương pháp của nhà Phật là “tinh tiến”, đều dùng để giải thoát con người khỏi ngục tù của sự ngu muội đen tối: “*Nhân ngục dễ ra, địa ngục khó ra... Họ Hữu Ngu (Ngu Thuấn) dùng tinh nhất để phá nó, Phật Thích Ca dùng tinh tiến phá nó, về sau Nhan Hôi nói khắc kỷ, Đại Huệ nói sát hại, công phu đều ở tại chữ tinh. Tinh lực là thanh bảo kiếm kim cương*”⁸.

Mượn khái niệm nhà Phật để Thích - Khổng thống nhất, Ngô Thì Nhậm càng nhấn mạnh tới việc Đức Phật đã kế thừa phương pháp phá ngục của Nghiêu Thuấn “*Thích Ca Mâu Ni Phật sinh sau Đế Thuấn Hữu Ngu thị, có riêng được phép phá ngục để tế độ chúng sinh*”. Một kết luận như vậy là quá nực cười và miễn cưỡng ép uổng Phật học biến thành Nho học, và nó quả là bước thụt lùi so với những nỗ lực xuất sắc đã thể hiện trong thanh đầu tiên của Ngô Thì Nhậm.

Một thú vị khác nữa của *Đại Chân viên giác thanh* là quan niệm về Thiên. Ngô Thì Nhậm đã thống nhất Thiên tông với Thiên đấng. Nhìn từ

⁶ *Sđd*, Thanh 9. “Tịch nhiên vô thanh”, tr.242.

⁷ *Sđd*, tr.242.

⁸ *Sđd*, Thanh 7. “Thoát thanh”, tr.198.

bên ngoài, Thiền đang biểu hiện sự truyền thừa tông phái giống như những ngọn đèn đượ nổi tiếp. Nhưng tại đây, Ngô Thi Nhậm đã giải thích thêm về Thiền như là sự truyền ngôi, truyền tâm pháp giữa các Thánh vương của Nho gia với nhau và giữa Phật với Bồ tát của Phật gia với nhau⁹.

Về vấn đề hành tàng, Ngô Thi Nhậm vận dụng quan hệ biện chứng Hữu Vô của Đạo gia. Đạo đức của việc không hành động là nền tảng của hành động. Vô vi là tàng, vi là hành. “*Học đạo quân tử, quý ở âm đức, quý ở việc khiến người ta ngắm ngẫm chịu ơn mình*”¹⁰. Vậy âm sinh dương, tàng hiện ra hành như thế nào? Chương 15. “Hành thanh” (âm thanh hành động) có thể thấy rõ hành động của Thiền sư chính là sự nghiệp trị quốc của nhà Nho, hay nền tảng cho sự nghiệp nhà Nho chính là đạo đức vô vi của Phật gia. Trong “Hành thanh” và “Tàng thanh” Hải Lượng và đồ đệ đã chỉ ra vấn đề then chốt của xử thế hành tàng của nhà Nho là lấy Chân như của Phật gia và Vô vi của Lão Trang làm bản thể. “*Không Tử nói: “bốn mùa theo nhau, Trời có nói gì đâu”. Thích nói: “Không từ đâu đến cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai”, cùng với họ Lão nói: “Thanh tịnh thì dân tự định”, ba giáo cùng một nguồn*”¹¹. Họ đã tìm ra những tác động tích cực của Phật gia và Đạo gia với nhân quần xã hội để hỗ trợ cho công nghiệp “trị bình” của Nho gia.

Khẳng định giá trị đạo đức (nhân quả báo ứng, thanh 24. “Dư thanh”), nhấn mạnh công phu tu dưỡng, cho rằng sức mạnh tu dưỡng đạo đức có thể đánh động cả vũ trụ nhân sinh (Thanh 5. “Kiến thanh” (âm thanh của sự kiến tính ngộ đạo), “minh tâm kiến tính” của Phật hay “chính tâm thành tính” của Nho đều là để phù trì đất nước, tư tưởng quý sinh (Thanh 16. “Đồng thanh” “*Nho không cho phép người ta chết dễ dàng, Thích cũng không cho phép người ta chết dễ dàng* (dễ từ bỏ sự sống)¹² đều là những điểm sáng nhất trong nhân sinh quan của *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*. Nhóm của Hải Lượng xuất thân từ nhà Nho, lui ẩn vẫn là nhà Nho, tuy có tự xưng là Thiền sư, hay thứ Thiền của họ là một thứ Thiền vô cùng nhập thế, không chú trọng tới những vấn đề huyền hư, nếu

⁹ Ngô Thi Nhậm tác phẩm (2002), tập 2, Nxb. Văn học, Thanh 12. “Xu thanh”, tr. 402-403.

¹⁰ *Sđđ*, “Tàng thanh”, tr.354.

¹¹ *Sđđ*, tr.295.

¹² *Sđđ*, tr.303. Ngô Thi Nhậm không giống các nhà Nho khác chết theo Trịnh Cán, biểu thị ngu trung. Ý thức giữ gìn sự sống còn liên quan tới Thanh 20. “Bất quả thanh”. Ông nói: “Thánh nhân vì sao không sinh?” (tr.342).

có phải nói đến, thì cũng đề làm tăng thêm cơ sở lý luận cho hành động nhập thể của mình mà thôi.

2. Tông chỉ của *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*

“Tam giáo” đề chỉ ba loại tư tưởng Nho, Phật, Đạo. Sự phát triển của xu hướng hội nhập Tam giáo ở Việt Nam có thể chia thành hai giai đoạn: thế kỉ X - XIII, và thế kỉ XVII – XVIII. Trong giai đoạn đầu, tuy có tên gọi Tam giáo, nhưng giữa chúng còn sự tách bạch, dù các bên vẫn có ảnh hưởng qua lại. Sở dĩ Nho, Phật, Đạo được nhắc đến cùng một lúc, vì người ta chú trọng tới sự hỗ trợ nhau giữa chúng về tác dụng xã hội. Đặc điểm này xuất hiện vào thời kì đầu của chế độ phong kiến Việt Nam, và thường do những nhân vật có địa vị chính trị (hoàng đế, quốc sư v.v) đứng ra chủ động đem Nho và Đạo dung hội với Phật giáo để thúc đẩy đất nước phát triển. Trong giai đoạn này, Nho, Phật, Đạo được xem như những lực lượng ý thức xã hội, mỗi thứ đều có phạm vi ảnh hưởng của mình, nhưng Phật giáo là có sức bao trùm và tác động tới đời sống tinh thần và chính trị mạnh mẽ hơn cả.

Qua giai đoạn phong kiến cực thịnh nhà Lê (thế kỉ XV), Nho học được xác lập là hệ tư tưởng chính thống, thế kỉ XVI, chế độ phong kiến phát sinh sự khủng hoảng lớn: lưỡng đầu chế (vừa có vua vừa có chúa, vừa có triều đình vừa có phủ đường đều nghị bàn chính sự), Nam - Bắc phân tranh, khởi nghĩa nông dân, nạn đói v.v, Nho học không còn biện pháp gì để đưa ra phương thuốc chữa chạy thích hợp cho xã hội. Đến thế kỉ XVIII, mô hình chế độ tập quyền phong kiến Việt Nam theo hình dung của Nho giáo đã hoàn toàn sụp đổ. Với tư cách là tầng lớp trí thức, các nhà Nho Việt Nam phải lựa chọn cái gì là chính thống, cái gì là không chính thống, lý tưởng của họ về Đạo thống, trung, hiếu, yêu nước, hộ dân v.v... khi bị đặt trước sự chọn lựa này đều mất hết ý nghĩa. Các nhà Nho Việt Nam đã làm các công việc học thuật mà từ trước đến giờ chưa từng làm. Đó là đọc lại, nghiên cứu trở lại kinh điển nhà Nho, đã làm dấy lên một phong trào Kinh học lần đầu tiên ở Việt Nam. Các nhà Nho chủ động hội nhập Tam giáo cũng là một hiện tượng của đời sống tư tưởng thế kỉ XVIII.

Các đại danh Nho thế kỉ XVIII như Lê Quý Đôn, Ngô Thì Sĩ, Phan Huy Ích, Trịnh Tuệ, Nguyễn Du v.v... đều chủ trương dung hợp Tam giáo, nhằm tìm kiếm một con đường giải thoát tư tưởng cho xã hội, nhân sinh và cho chính những giằng co nội tại của cá nhân mình.

Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh tuy được viết vào giai đoạn Ngô Thì Nhậm không còn hoạt động chính trị, nhưng chúng ta nhận ra rằng, họ Ngô không hề mang tâm thái lui ẩn. Ông đã đem toàn bộ cái “tông chỉ Trúc Lâm” phát huy theo cái “tuệ giác” của Nho giáo. Dường như cũng e ngại sau này sẽ có người phê phán tác phẩm Nho Phật Đạo hợp nhất này, nên ông đã tự nói trước: “Nghìn năm sau tất có người vì việc hỗn dung Nho Phật Đạo này mà phê phán ta”. Nhưng “người biết thì không bàn, đã bàn thì không biết. Biết nên không bàn, cái sự không bàn là thứ vô cùng vậy. Không biết mà bàn, bàn cũng là một thứ vô cùng vậy ... Thánh nhân được cái một này thì thiên hạ hoà bình”¹³. Điều then chốt nằm ở mệnh đề cuối cùng. *Thiên hạ hoà bình* là chỗ “đắc nhất” của Ngô Thì Nhậm, xuất xứ, hành tàng. Nho Thiền, Lê Trịnh hay Tây Sơn tuy có thuận có nghịch nhưng đều không vượt ra ngoài cái Lý “một” đó. Cái “một” này là tông chỉ của *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, cũng là giá trị của tác phẩm. Dẫu rằng Ngô Thì Nhậm và các bạn đồng đạo không thể nhập thế được nữa, thì họ vẫn mong mỗi giống lên lời kêu gọi – thanh âm nhập thế.

Cổ giáo sư Trần Đình Hượu bình luận về *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* như sau: “Sự trỗi dậy của Thiền phái Trúc Lâm không trở thành một xu thế có ảnh hưởng trong Phật giáo Việt Nam lúc đó và cũng không có ý nghĩa xã hội rộng lớn. Tư tưởng của *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* chỉ là xu thế của một bộ phận người, một bộ phận có thể rất tiêu biểu, thuộc vào một thời gian không dài, nhưng rất quan trọng vì đúng vào lúc lịch sử đang thay đổi”¹⁴.

¹³ *Sđđ*, Thanh 12. “Nhất thanh”, tr.265.

¹⁴ Trần Đình Hượu (1996), “Về xu thế hội nhập Tam giáo trong *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*”, Tạp chí triết học, số 4, tr.89-90.